

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1109/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 28/9/2017

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân

2. Bà Thái Thực Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Trang- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2017/QĐ- HPT ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông C, sinh năm 1980

Địa chỉ: 29/87/2 đường M, Phường I, quận P, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: 181/46 đường Đ, Phường I, quận P, Thành phố H. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà PP, sinh năm 1979

Địa chỉ: 166/19 đường E, Phường B, Quận J, Thành phố H (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông C trình bày:

Ông C và bà PP sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận J, Thành phố H năm 2006. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình bên vợ. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên gây cãi nên không hạnh phúc. Từ năm 2015 đến nay ông C và bà PP đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn vì không còn tình cảm với bà PP. Vợ chồng có 01 con chung tên TT, sinh ngày 07/12/2007. Ông C đồng ý để bà PP được trực tiếp nuôi con chung. Ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Về án phí ông C xin chịu toàn bộ.

Bị đơn: Bà PP vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 16/5/2017 và biên bản ngày 29/5/2017 trình bày:

Bà PP và ông C sống chung năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận J, Thành phố H. Từ năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do ông C có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng gây cãi và ông C đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bà PP vẫn còn thương chồng và mong muốn đoàn tụ để cùng nuôi con chung nên không đồng ý ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung: Bà PP xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật, có vi phạm thời hạn xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà PP đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến dự phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà PP.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn của ông C thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn, trong đó bị đơn bà PP cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà PP sống chung vào năm 2006 có đăng ký kết hôn số 107 ngày 07/8/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận J, Thành phố H nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà PP và ông C hòa giải cho hai bên đoàn tụ nhưng không thành. Ông C xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, ông C không còn tình cảm với bà PP, không thể kéo dài đời sống chung nên cương quyết xin ly hôn. Chính bà PP cũng thừa nhận từ năm 2014 phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Xét ông C và bà PP thực tế đã sống ly thân từ nhiều năm, bà PP mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bản thân bà PP cũng không có mặt tại phiên tòa giải quyết quan hệ hôn nhân của bà và ông C chứng tỏ bà PP không tha thiết duy trì quan hệ hôn nhân với ông C. Có cơ sở xác định cuộc sống gia đình của ông C và bà PP không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn bà PP của ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy ông C và bà PP có một con chung tên TT, sinh ngày 07/12/2007. Việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ. Xét tình trạng thực tế hiện nay trẻ TT đang sống chung với bà PP. Ông C có yêu cầu giao con chung cho bà PP nuôi dưỡng và trẻ TT cũng có nguyện vọng sống với mẹ, vì vậy nghĩ nên tiếp tục giao con chung cho bà PP trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xét ông C có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà PP và ông C tự khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 , Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử vắng mặt đối với bà PP:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông C:

- Về hôn nhân: Ông C được ly hôn với bà PP.

- Về con chung: Giao cho bà PP trực tiếp nuôi một con chung tên TT, sinh ngày 07/12/2007. Ông C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp phí tổn nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà P, nếu ông C không thực hiện đúng việc đóng góp nuôi con nói trên, thì hàng tháng ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa không đặt vấn đề giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: 600.000 đồng (300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con) ông C phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0026772 ngày 23/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông C còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Ông C có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà PP vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA DS Q8;
- UBND PB, QJ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hòa